

-----\*-----  
Bản án số: 252/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/8/2024  
V/v “Tranh chấp chia tài sản  
chung của vợ chồng sau khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thúy An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Văn Cường.**

**2. Bà Huỳnh Thị Phượng.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Cà Thị Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*  
**Ông Võ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- Bị đơn: 1. **Trần Quốc T**, sinh năm 1994 (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Việt H**, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu L** trình bày: Ngày 11/12/2023 âm lịch, chị và anh **T** tổ chức đám cưới, sau đó vợ chồng chung sống được 06 ngày thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 21/2024/QĐCNTTLH ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông. Khi giải quyết ly hôn thì chị không có yêu cầu chia tài sản chung vì chị không biết. Nay chị yêu cầu chia tài sản chung là vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng

24k, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng vàng 18k, số vàng này hiện do anh **T** đang giữ. Chị **L** yêu cầu chia đôi số vàng cưới trên và yêu cầu được nhận: 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà **H** trả lại số vàng cưới nêu trên.

\* Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Trần Quốc T** trình bày: Ngày 11/12/2023 âm lịch, anh và chị **L** tổ chức đám cưới, chung sống được 06 ngày thì không còn chung sống với nhau, nguyên nhân do vợ chồng mới cưới mà chị **L** không cho anh **T** gần gũi, chị **L** còn nhắn tin và hẹn hò với nhiều người khác giới. Khi ly hôn, anh và chị **L** đã xác định là không có tài sản chung. Khi tổ chức đám cưới cha, mẹ anh có cho vàng cưới gồm: bông tai, dây chuyền ... như chị **L** trình bày. Sau đó, mẹ ruột chị **L** yêu cầu anh lấy vàng cưới đổi sang vòng ximên cho chị **L** đeo nên anh mới nói chị **L** đưa vàng cưới lại, chị **L** cũng tự nguyện đưa. Sau đó, anh phát hiện tin nhắn của chị **L** với người khác giới nên hôm sau, anh **T** chở chị **L** về nhà mẹ ruột chị **L**, những ngày tiếp theo chị **L** không nói gì hết nên anh **T** quyết định ly hôn, chị **L** cũng đồng ý ly hôn.

Nay chị **L** yêu cầu chia tài sản chung là số vàng cưới nêu trên và yêu cầu được nhận 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k, anh không đồng ý vì chị **L** về nhà anh sống được 06 ngày, chưa đi làm kiếm tiền nên chưa có tài sản chung, chị **L** còn nhắn tin, hẹn hò thân mật với người khác giới, không chung thủy với anh. Hiện số vàng cưới này anh đang giữ.

\* Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Nguyễn Thị Việt H** trình bày: Khi tổ chức đám cưới, bà có cho một số vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k như chị **L** trình bày. Số vàng này, bà bỏ ra đi cưới dâu theo phong tục - hình thức sính lễ, chứ bà chưa nói là cho chung hay cho riêng anh **T** hay chị **L**. Hiện nay, số vàng này anh **T** đang giữ, bà **H** không có giữ. Việc bà lo cho anh **T** đi cưới dâu bà còn tốn nhiều chi phí khác, chị **L** chỉ chung sống với con bà 06 ngày thì ly hôn cho đến nay, nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị **L**.

\* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **L**; chia cho chị **L** và anh **T** mỗi người 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k; Anh **T** có nghĩa vụ giao lại cho chị **L**

05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k, khi án có hiệu lực pháp luật; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **L** về việc yêu cầu bà **H** trả lại 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa chị **L** và anh **T** là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Chị **L** yêu cầu chia đôi số vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k và yêu cầu được nhận: 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k nhưng anh **T** không đồng ý.

Xét thấy, tại phiên tòa, chị **L**, anh **T** đều thống nhất vào ngày cưới gia đình anh **T** có cho số vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k. Bà **H** cũng thừa nhận điều này nhưng bà **H** cho rằng, số vàng này là bà bỏ ra đi cưới dâu theo phong tục tập quán ở địa phương, chứ bà không cho riêng hay cho chung vợ chồng chị **L**, anh **T**. Nhận thấy, do chị **L** và anh **T** đã đăng ký kết hôn trước ngày tổ chức đám cưới và theo phong tục tập quán Hội đồng xét xử xác định, đây là tài sản được tặng cho chung vào ngày cưới nên số vàng này là tài sản chung theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, yêu cầu của chị **L** là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh **T** có nghĩa vụ giao lại cho chị **L** 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k, khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị **L** rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **H** trả lại 10 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **L** và anh **T** phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia (Giá vàng vào ngày xét xử của Công ty **V** là 7.620.000 đồng/chỉ (vàng 24k) và 5.663.000 đồng/chỉ (vàng 18k)) theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\***Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu L về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k.

- Chia cho anh T và chị L mỗi người 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k.

- Anh T có nghĩa vụ giao lại chị L 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Việt H trả lại 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị L phải chịu 2.046.575 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai số 0013378 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị L còn phải nộp tiền án phí là 1.046.575 đồng.

+ Anh T phải chịu 2.046.575 đồng án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

**\*Nơi nhân:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**